TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2023/HNGĐ-ST
Ngày 14/4/2023
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Tô Văn Nhung

2/ Bà Phạm Tú Nhi

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Duy Long – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thúy An - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự.

- *Nguyên đơn:* Bà Thạch Thị Mỹ P, sinh năm 1983; thường trú: Số 82/11 khu phố Tây A, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn*: Ông Mai Thanh T, sinh năm 1977; thường trú: Số 82/11 khu phố Tây A, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Bà Thạch Thị Mỹ P có yêu cầu giải quyết vắng mặt, ông Mai Thanh T vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19/10/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Thạch Thị Mỹ P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân*:* Bà Thạch Thị Mỹ P và ông Mai Thanh T tìm hiểu, chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đông Hòa, huyện Dĩ An (nay là phường Đông Hòa, thành phố Dĩ An), tỉnh Bình Dương vào ngày 14/9/2004 theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 166/KH/2004, quyển số 01. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc. Đến năm 2013 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính

tình không hợp, ông T có tính gia trưởng, chi li trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cải vã, ông T nhiều lần đánh bà P. Cuộc sống vợ chồng trở nên căng thẳng, ngột ngạt, gây mệt mỏi cho nhau. Vợ chồng không còn tình cảm, tuy nhiên vì con nên hai vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng đã ly thân từ năm 2013 đến nay. Nay, bà P xác định không còn tình cảm với ông T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Mai Thiên P, sinh ngày 17/10/2004. Hiện nay con chung đã trưởng thành nên ông bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về phía bị đơn ông Mai Thanh T:

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án và yêu cầu ông Mai Thanh T có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu của bà Thạch Thị Mỹ P nhưng ông Mai Thanh T không có ý kiến gì. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Mai Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 17/3/2023 nhưng ông T vắng mặt không có lý do; đồng thời cũng không có ý kiến và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì thể hiện việc đồng ý hay không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của bà P.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Về hôn nhân, bà Thạch Thị Mỹ P và ông Mai Thanh T có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống không hạnh phúc do mâu thuẫn kéo dài, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn là có cơ sở chấp nhận. Về con chung, tài sản chung và nợ chung các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về điều kiện thụ lý vụ án: Bà Thạch Thị Mỹ P khởi kiện "Tranh chấp ly hôn" được quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn có địa chỉ tại Số 82/11 khu phố Tây A, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An theo quy định tại Khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Ông Mai Thanh T đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa vào ngày 07/4/2023 và ngày 14/4/2023 nhưng ông Mai Thanh T vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn bà Thạch Thị Mỹ P có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Thạch Thị Mỹ P và ông Mai Thanh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại tại Uỷ ban nhân dân xã Đông Hòa, huyện Dĩ An (nay là phường Đông Hòa, thành phố Dĩ An), tỉnh Bình Dương vào ngày 14/9/2004 theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 166/KH/2004, quyển số 01, nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Bà Thạch Thị Mỹ P xác định cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, ông T có tính gia trưởng, chi li trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cải vã, ông T nhiều lần đánh bà P. Vợ chồng sống ly thân với nhau từ năm 2013 cho đến nay. Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích đó, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Bản thân ông Mai Thanh T, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã triệu tập ông T đến tham gia phiên hòa giải để hóa giải mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông T không có mặt và cũng không có bất kỳ ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn, điều này chứng tỏ ông T không muốn hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Qua đó thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng của bà P đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà Thạch Thị Mỹ P yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Mai Thiên P, sinh ngày 17/10/2004. Hiện nay, con chung đã trưởng thành, bà Thạch Thị Mỹ P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Từ những phân tích nêu trên, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Thạch Thị Mỹ P phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Thạch Thị Mỹ P được ly hôn với ông Mai Thanh T. (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 166/KH/2004, quyển số 01, do Ủy ban nhân dân xã Đông Hòa, huyện Dĩ An (nay là phường Đông Hòa, thành phố Dĩ An), tỉnh Bình Dương cấp ngày 14/9/2004).

2. Về con chung: Con chung đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Thạch Thị Mỹ P phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí về ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Thạch Thị Mỹ P đã nộp theo biên lai số 0006066 ngày 14/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

5. Án xử công khai, tuyên án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

6. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hồng